

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hương;
2. Bà Bàn Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị N T K sinh năm 1993.

Địa chỉ nơi ĐKKTT: Thôn K M 1, xã S H, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai;

Nơi ở: Thôn T T, xã T Q, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh B Đ C sinh năm 1986.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn K M 1, xã S H, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2022, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị N T K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh B Đ C về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, đến ngày 12/01/2011 tự nguyện Đăng ký kết hôn tại UBND xã S H, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai. Kể từ khi về chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến đầu năm 2015 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nhưng từ năm 2017 thì mâu mới thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh C mãi chơi, không tu trí làm ăn mà còn bán đồ đạc của gia đình, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Do khuyên bảo anh C không được, cuộc sống không có hạnh phúc nên cuối năm 2017 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T T, xã T Q, HUYỆN B sinh sống hai vợ chồng sống ly thân hẳn và không còn quan

tâm đến nhau từ đó đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, tình trạng hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh B Đ C.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống vợ chồng chỉ có 01 con chung cháu tên là B Q A sinh ngày 10/01/2011 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, từ khi sống ly thân đến nay cháu A đang trực tiếp ở cùng anh C và bà nội. Nay ly hôn chị có nguyện vọng để cháu A cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, chị nhận cấp dưỡng nuôi cháu A số tiền 1.500.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản gì chung không vay nợ ai, không cho ai vay nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị K về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, đến ngày 12/01/2011 anh chị tự nguyện Đăng ký kết hôn tại UBND xã S H, HUYỆN B, tỉnh Lào Cai. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến đầu năm 2015 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nhưng từ năm 2017 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng với nhau trong cuộc sống và làm ăn, tạo dựng phát triển kinh tế gia đình, trước đây anh có ham chơi, không tu trí làm ăn nhưng bây giờ anh đã chịu khó lao động làm ăn. Do mâu thuẫn vợ chồng mà cuối năm 2017 chị K bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T T, xã T Q, HUYỆN B sinh sống hai vợ chồng sống ly thân hẳn với nhau không còn quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Nay chị K đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh anh mong muốn chị K suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, trường hợp chị K cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu B Q A sinh ngày 10/01/2011 như chị K trình bày là đúng, trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, chị K cấp dưỡng nuôi cháu A bao nhiêu tiền/ 1 tháng tùy khả năng của chị.

- Về quan hệ tài sản; về quyền và nghĩa vụ về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh C không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hoà giải được và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị K kiện ly hôn anh C, anh C đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn K M 1, xã S H, HUYỆN B do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân HUYỆN B, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất Tòa án phải hoãn tòa. Tại phiên tòa này bị đơn vẫn vắng mặt do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị K và anh C tự nguyện Đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/01/2011 tại UBND xã S H, HUYỆN B; vào thời điểm kết hôn anh chị không vi phạm về điều kiện kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc chị K kiện ly hôn anh C, Tòa án xét thấy:

Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc cho đến năm 2015 thì đã xảy ra mâu thuẫn, nhưng từ năm 2017 mâu thuẫn mới trầm trọng, chị K đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T T, xã T Q, HUYỆN B vợ chồng ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ đó cho đến nay. Xét thấy vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy việc chị K kiện ly hôn với anh C là có căn cứ nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị N T K được ly hôn anh B Đ C.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Chị K và anh C đều thừa nhận có 01 con chung là B Q A sinh ngày 10/01/2011 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay anh chị sống ly thân cháu A đang trực tiếp ở với anh C và bà nội, cháu A có nguyện vọng được ở cùng với bố, chị K có nguyện vọng để cháu A cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng còn anh C có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và chị K cấp dưỡng nuôi cháu bao nhiêu tiền tùy thuộc vào khả năng của chị K. Xét đến quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển về thể chất, tinh thần và về lâu dài của con, cháu A có nguyện vọng được trực tiếp ở với bố. Vì những căn cứ trên nên xử giao cháu B Q A cho anh B Đ C được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*:

Hiện chị K làm nghề lao động tự do như trồng trọt và làm công cho Xưởng gỗ bóc có thu nhập đảm bảo việc cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, chị đồng ý cấp dưỡng cho cháu A số tiền 1.500.000 đồng/ 1 tháng là đảm bảo phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị N T K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và

gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị N T K được ly hôn với anh B Đ C.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*: Xử giao cháu B Q A sinh ngày 10/01/2011 cho anh B Đ C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Chị N T K cấp dưỡng nuôi cháu A số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn đồng)/ 1 tháng từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị N T K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002821 ngày 08/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN B, tỉnh Lào Cai. Chị N T K còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh;
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã S H,
H. B, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

